

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các Công ty thẩm định giá tài sản, thiết bị

Bệnh viện Mắt Bình Định có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Thẩm định giá trang thiết bị y tế của Bệnh viện Mắt Bình Định năm 2023 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Mắt Bình Định
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Ông Trần Minh Quân, Phó trưởng khoa Dược – VTYTTB – XN - CNK
Bệnh viện Mắt Bình Định,
Điện thoại: 0905739244, email: quantm@syt.binhdinhh.gov.vn
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
Nhận trực tiếp hoặc qua bưu điện tại địa chỉ: Phòng Văn thư, Bệnh viện Mắt Bình Định, 78 Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá:
Từ 09h ngày 25/07/2023 đến trước 17h ngày 04/08/2023.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 04/08/2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế thẩm định giá

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Mô tả cụ thể tại phụ lục 1 kèm theo	01	Hệ thống
2	Máy chụp cắt lớp võng mạc (OCT)	Mô tả cụ thể tại phụ lục 1 kèm theo	01	Máy
3	Sinh hiển vi khám mắt	Mô tả cụ thể tại phụ lục 1 kèm theo	02	Cái

2. Hồ sơ chào giá cần cung cấp:

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

+ Tài liệu chứng minh nhà thầu có đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá do Bộ Tài chính cấp.

+ Hồ sơ năng lực dịch vụ thẩm định giá.

+ Hợp đồng tương tự dịch vụ thẩm định giá.

+ Biểu phí dịch vụ thẩm định giá sẽ thực hiện.

3. Thời gian thẩm định giá dự kiến: 07 ngày.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

a. Điều khoản tạm ứng: Không tạm ứng

b. Phương thức thanh toán:

+ Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản.

+ Điều kiện thanh toán: Thanh toán 100% sau khi nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.

5. Các thông tin khác (nếu có).

Bệnh viện Mắt Bình Định kính thông báo ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng trang TTĐT Sở Y tế
- Đăng trang TTĐT Bệnh viện
- Lưu: VT, TC-HC-TC, KD.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Triết

Phụ lục 1 : TÍNH NĂNG, THÔNG SỐ KỸ THUẬT VÀ CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN VỀ KỸ THUẬT CỦA THIẾT BỊ Y TẾ

MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG

I. YÊU CẦU CHUNG:

- Thiết bị phải được sản xuất năm 2022 trở về sau mới 100%
- Nhà sản xuất phải có chứng chỉ ISO 13485.

II. YÊU CẦU VỀ CẤU HÌNH:

- Máy chính: 01 máy
- Máy tính kèm phần mềm điều khiển: 01 cái
- Máy in khổ giấy A4: 01 cái
- Khay đựng bệnh phẩm: 01 cái
- Khay đựng hóa chất: 01 cái
- Cuvette: 01 bộ
- Bộ hóa chất ban đầu: GOT, GPT, Glucose: mỗi loại 01 hộp
- Calibrator và QC tương ứng với hóa chất ban đầu: mỗi loại 1 lọ.
- Dịch rửa đi kèm theo máy: 01 bộ
- Bộ lưu điện $\geq 2\text{KVA}$: 01 bộ
- Bộ lọc nước RO công suất $\geq 10\text{L/giờ}$: 01 bộ
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng (tiếng Anh, tiếng Việt): 01 bộ

III. TÍNH NĂNG, THÔNG SỐ KỸ THUẬT

a. Tính năng

- Kiểu máy: hoàn toàn tự động, truy cập ngẫu nhiên.
- Công suất xét nghiệm: 270 xét nghiệm sinh hóa/giờ, không bao gồm xét nghiệm điện giải.
- Kiểu đo tối thiểu có: Điểm cuối, Điểm cuối 2 điểm, Động học, Động học 2 điểm.
- Phương pháp phát hiện: Đo trực tiếp độ hấp thụ trong công phản ứng một màu hoặc hai màu.

- Phương pháp đo:

- + Xét nghiệm sinh hoá sử dụng phương pháp đo quang.
- + Miễn dịch độ đục bằng phương pháp đo quang.
- Số lượng xét nghiệm đồng thời đo được: 50 xét nghiệm sinh hoá.
- Hệ thống mở (sử dụng hóa chất của hãng khác): Có
- Lưu trữ kết quả đo: $\geq 1.000.000$ kết quả.
- Lưu trữ kết quả QC: ≥ 50.000 kết quả.

b. Quản lý mẫu bệnh phẩm

- Khay bệnh phẩm:
- + Có thể tháo rời

- + Số vị trí đặt mẫu bệnh phẩm (có sẵn STAT): ≥ 40 vị trí.
- + Số vị trí đặt calibrator, QC: ≥ 10 vị trí
- Kim hút mẫu bệnh phẩm có cảm biến mức chất lỏng, phát hiện cục máu đông, phát hiện va chạm
- Loại mẫu: tối thiểu là huyết thanh, huyết tương, nước tiểu
- Thể tích mẫu bệnh phẩm: Thể tích hút mẫu tối thiểu: 1.5 μl , thể tích hút mẫu tối đa: 35 μl
- Có vị trí dành cho mẫu cấp cứu
- Nhận diện mẫu bệnh phẩm: Bằng mã vạch
- c. Quản lý hóa chất
- khay đựng hóa chất:
- + Có thể tháo rời;
- + Số vị trí đặt hóa chất: ≥ 50 vị trí
- + Làm lạnh hóa chất: 8 – 15 °C
- Có khả năng tính toán hiển thị thể tích hóa chất còn lại: Có
- Kim hút hóa chất có cảm biến mức chất lỏng và phát hiện va chạm
- Thể tích hóa chất:
- + R1: từ 20 μl đến tối đa 250 μl
- + R2: từ 20 μl đến tối đa 180 μl
- Có đầu đọc barcode cho hóa chất
- d. Quản lý buồng phản ứng
- Cuvettes:
- + Số cuvette: ≥ 72
- + Loại cuvette: tối thiểu là loại nhựa hoặc tốt hơn
- + Thể tích phản ứng: thể tích phản ứng tối thiểu 100 μl , thể tích phản ứng tối đa 350 μl
- + Quang lộ: ≤ 5 mm
- Thời gian ủ: ≤ 10 phút (R1: ≤ 5 phút, R2: ≤ 5 phút đối với xét nghiệm 2 hoá chất)
- Nhiệt độ phản ứng: $37^{\circ}\text{C} \pm \leq 0.1^{\circ}\text{C}$
- Hệ thống khuấy: Loại khuấy xoay
- Hệ thống phản ứng: gia nhiệt trực tiếp hoặc ủ khô
- e. Hệ thống quang học
- Số bước sóng: ≥ 12 bước sóng: 340, 380, 415, 450, 510, 546, 570, 600, 660, 700, 750 và 800 nm.
- Nguồn sáng: tối thiểu là bóng Halogen hoặc bóng Halogen Tungsten.
- Lựa chọn bước sóng: Dùng phương pháp cách tử
- Tiêu thụ nước: $\leq 5\text{L/giờ}$

MÁY CHỤP CẮT LỚP VÕNG MẠC (OCT)

I. YÊU CẦU CHUNG:

- Thiết bị phải được sản xuất năm 2022 trở về sau, mới 100%.
- Nhà sản xuất phải có chứng chỉ ISO 13485.

II. YÊU CẦU VỀ CẤU HÌNH

1. Thân máy chính tích hợp với máy tính và màn hình LCD 22 inches hoặc thân máy + máy tính có màn hình ≥ 22 inches: 01 hệ thống.
2. Bàn phím, chuột máy tính: 01 cái
3. Đèn định thị ngoài: 01 cái
4. Bộ gương chụp tiền phòng: 01 cái
5. Bộ gương chụp giác mạc: 01 cái
6. Tựa cầm đôi tích hợp theo máy: 01 bộ
7. Chân bàn đặt máy chính hãng: 01 cái
8. Máy in màu tương thích: 01 cái
9. Bao phủ máy: 01 cái
10. Dây nguồn hoặc dây cáp: 01 cái

III. TÍNH NĂNG, THÔNG SỐ KỸ THUẬT

1. Thông số chính:

- Phương pháp đo : Miền phổ tần số (Spectral domain)
- Nguồn sáng: Diode siêu phát quang bước sóng 840 nm
- Độ sâu lát cắt A-scan: 2.0 - 2.9mm (trong mô)
- Tốc độ quét: ≥ 100.000 mẫu quét A (A-scan) / 1 giây
- Đường kính đồng tử tối thiểu: 2.0 mm
- Độ phân giải:
 - + Theo chiều ngang lát cắt: $\leq 5 \mu\text{m}$ (trong mô), $\leq 1.95 \mu\text{m}$ (kỹ thuật số)
 - + Theo chiều dọc lát cắt: $\leq 15 \mu\text{m}$ (trong mô)
- Bù trừ khúc xạ: -20D đến +20D (dopters)

2. Chụp cắt lớp bán phần sau:

OCT

- Quét khối (Hoàng điểm và Đĩa thị)
- Quét đường chuẩn HD Raster (1, 5, 21 đường, chữ thập, xuyên tâm);

Quét raster chiều dài 3-12 mm, ảnh trung bình gấp 100 lần

OCTA

- 3×3, 6×6, 8×8, 12×12 mm (Hoàng điểm); 4.5×4.5 mm (Đầu gai thị);
- 14×10 mm (Ghép hình), 14×14 mm (Ghép hình)

3. Chụp cắt lớp bán phần trước:

Quét khối, giác mạc độ phân giải cao, độ dày giác mạc, xem góc tiền phòng độ phân giải cao, góc rộng tiền phòng, tiền phòng, quét 5 đường Raster.

4. Phân tích ứng dụng

Võng mạc:

- Phân tích độ dày hoàng điểm với dữ liệu chuẩn (Đa dạng chủng tộc và Châu Á)

- Phân tích thay đổi hoàng điểm
- Phân tích lớp biểu mô sắc tố
- Hình ảnh khối 3D lớp võng mạc
- Phân tích từng lớp võng mạc

Glaucoma:

- Độ dày lớp tế bào hạch Ganglion Cell với dữ liệu chuẩn (Đa dạng chủng tộc và châu Á)

- Độ dày lớp sợi thần kinh RNFL với dữ liệu chuẩn (Đa dạng chủng tộc và châu Á)

- Phân tích đĩa thị ONH với dữ liệu chuẩn (Đa dạng chủng tộc và châu Á)
- Tỷ lệ cup/disk giá trị trung bình
- Độ dày RNFL phía trên, phía dưới và giá trị trung bình

Bán phần trước:

- Độ dày lớp biểu mô của vùng 9 mm và bản đồ độ dày giác mạc

- Hình ảnh giác mạc độ phân giải cao với thước đo

- Quan sát toàn bộ hình ảnh tiền phòng và xác định khoảng cách an toàn trong đặt IOL phakic

- Hình ảnh góc tiền phòng và có công cụ đo các chỉ số trong Glaucoma (AOD, TISA, SSA)

Định lượng cắt lớp mạch máu:

- Hoàng điểm
- + Vùng vô mạch hoàng điểm FAZ
- + Mật độ tưới máu
- + Mật độ mao mạch
- Đầu đĩa thị
- + Mật độ tưới máu mao mạch
- + Chỉ số thông lượng tưới máu mao mạch
- So sánh giữa 2 lần chụp cắt lớp mạch máu

SINH HIỂN VI KHÁM MẮT

I. YÊU CẦU CHUNG:

1. Thiết bị phải được sản xuất từ năm 2022 trở về sau.
2. Thiết bị mới 100%.
3. Nhà sản xuất phải có giấy chứng nhận ISO 13485.

II. YÊU CẦU VỀ CẤU HÌNH:

- Máy chính tích hợp bộ phóng đại từ 2 mức trở lên: 01 cái
- Bóng đèn Halogen : 02 cái (01 cái chính + 01 cái dự phòng)
- Thị kính : 02 cái.
- Bộ phận tựa cằm: 01 cái
- Mặt bàn chính hãng: 01 cái
- Chân bàn nâng hạ bằng động cơ điện : 01 cái
- Dây nguồn: 01 cái
- Bao phủ máy : 01 cái.

III. TÍNH NĂNG, THÔNG SỐ KỸ THUẬT:

1. Kính hiển vi

- Loại: 2 thị kính hội tụ
- Độ phóng đại: Thay đổi từ 2 mức trở lên.
- Thị kính: $\geq 10\times$
- Khoảng điều chỉnh đồng tử (mm): Từ 52mm đến 90mm
- Khoảng cách hội tụ: $\geq 100\text{mm}$
- Điều chỉnh Diop: +8 đến -8 D

2. Sự chiếu sáng của đèn khe:

- Độ rộng khe sáng (mm): trong khoảng từ 0 đến $\geq 10\text{ mm}$
- Độ dài khe sáng (mm): trong khoảng từ 0 đến $\geq 10\text{ mm}$
- Khẩu độ: 0.2/1/3/4/6/10 mm
- Góc xoay khe sáng: $\pm 90^0$
- Bộ lọc: Bộ lọc ánh sáng xanh cobalt, lọc ánh sáng không đỏ (red- free).
- Nguồn sáng: bóng đèn Halogen.
- Cường độ sáng tối đa: 350.000 Lux

3. Đế:

- Di chuyển từ trước ra sau: $\geq 103\text{ mm}$.
- Di chuyển từ trái sang phải: $\geq 115\text{mm}$
- Điều chỉnh tinh chỉnh: $\pm 10\text{mm}$

4. Tì cằm:

- Di chuyển: $\geq 75\text{mm}$.